

Số: 207/QĐ-TKT

Ninh Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Thống kê tỉnh Ninh Bình**

TRƯỞNG THỐNG KÊ THỐNG KÊ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-CTK ngày 01/8/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Thống kê tỉnh Ninh Bình (*chi tiết tại biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê (để b/c);
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng TK Tổng hợp (để p/h đăng tin);
- Lưu: VT, KT.



Lê Mạnh Hồng

Đơn vị: Thống kê tỉnh Ninh Bình

Chương: 018

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 207/QĐ-TKT ngày 15/8/2025
của Trưởng Thống kê Thống kê tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025			
		Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Bình thuộc Cục Thống kê Mã QHNSNN: 1058762	Chi cục Thống kê tỉnh Nam Định thuộc Cục Thống kê Mã QHNSNN: 1058766	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Nam thuộc Cục Thống kê Mã QHNSNN: 1058765	Thống kê tỉnh Ninh Bình thuộc Cục Thống kê Mã QHNSNN: 1159813
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-22.346.971.597	-26.723.423.613	-19.916.150.523	68.986.545.733
I	Nguồn ngân sách trong nước	-22.346.971.597	-26.723.423.613	-19.916.150.523	68.986.545.733
1	Chi quản lý hành chính	-22.338.071.597	-26.674.423.613	-19.879.150.523	68.891.645.733
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-7.520.448.208	-8.892.700.385	-6.588.188.073	23.001.336.666
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-14.817.623.389	-17.781.723.228	-13.290.962.450	45.890.309.067
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-8.900.000	-49.000.000	-37.000.000	94.900.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-8.900.000	-49.000.000	-37.000.000	94.900.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				